

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH KỸ NĂNG SỐNG VÀ DANH MỤC KỸ NĂNG SỐNG CẦN TRANG BỊ CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

Phí Thị Hiếu*

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kỹ năng sống của học sinh Trung học phổ thông người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Các kỹ năng sống cần trang bị cho đối tượng học sinh này thuộc các nhóm khác nhau: tự nhận thức và quản lý bản thân; ứng xử và giao tiếp xã hội; học tập và phát triển năng lực; thích nghi với các vấn đề xã hội hiện đại. Danh mục những kỹ năng sống này được xác định dựa trên mức độ hình thành và nhu cầu giáo dục kỹ năng sống của học sinh.

Từ khóa: *Nhu cầu, kỹ năng sống, học sinh, dân tộc thiểu số, giáo dục.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục kỹ năng sống (KNS) cho học sinh (HS) là xu thế tất yếu của giáo dục hiện đại và đã có không ít đề tài nghiên cứu về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Trung học phổ thông (THPT). Từ năm 2009 – 2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa giáo dục kỹ năng sống vào tất cả các bậc học giáo dục phổ thông.

Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng: *không thể giáo dục kỹ năng sống cho mọi đối tượng học sinh như nhau, trong khi mức độ hình thành và nhu cầu KNS của học sinh theo độ tuổi, theo vùng miền, theo nhóm tính cách ... là rất khác biệt* [1;2;3]. Bởi vậy, đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT có hiệu quả, trước hết cần có những nghiên cứu xác định thực trạng mức độ hình thành KNS và nhu cầu các KNS thiết yếu của các em, từ đó mới có thể xác định được mục tiêu giáo dục kỹ năng sống phù hợp cho mỗi nhóm đối tượng học sinh.

Đối với học sinh dân tộc thiểu số sống ở miền núi, bên cạnh những nét tâm lý chung như học sinh thuộc các vùng miền khác, đời sống tâm lý của các em còn có những đặc thù riêng. Do điều kiện sống khó khăn, nhìn chung, khả năng nhận thức, tính tích cực giao tiếp, tự ý thức và định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh người dân tộc thiểu số khu vực miền núi còn nhiều hạn chế. Vì vậy, danh mục KNS cần trang bị cho nhóm đối tượng học sinh này cần phù hợp với đặc điểm

tâm sinh lý, được xác lập dựa trên mức độ hình thành và nhu cầu giáo dục KNS của các em.

Trong bài báo này, chúng tôi trình bày những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kỹ năng sống của học sinh THPT người dân tộc thiểu số khu vực miền núi và danh mục kỹ năng sống cần trang bị cho nhóm đối tượng học sinh này dựa trên kết quả nghiên cứu mức độ hình thành và nhu cầu giáo dục KNS của các em.

KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu được triển khai vào tháng 10 năm 2014 trên 165 học sinh khối 10 và 12; 98 giáo viên (GV), cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD) của trường THPT Trà Linh, Cao Bằng và THPT Thanh Chấn, tỉnh Điện Biên.

Phương pháp nghiên cứu: Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng Anket, quan sát, phỏng vấn sâu để thu thập kết quả nghiên cứu, đồng thời xử lý kết quả thu được bằng các công thức toán học.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kỹ năng sống của học sinh Trung học phổ thông người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc

Đề nghị các khách thể khảo sát đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành kỹ năng sống của học sinh THPT người dân tộc thiểu số khu vực miền núi, chúng tôi thu được kết quả như sau:

* Tel: 01656 634388, Email: hieusptn@gmail.com

Bảng 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kỹ năng sống của học sinh Trung học phổ thông người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc

Các yếu tố	HS (N=165)				GV, CBQLGD (N=98)			
	Rất nhiều	Nhiều	Ít	Không ảnh hưởng	Rất nhiều	Nhiều	Ít	Không ảnh hưởng
Quan hệ trong gia đình (với ông bà, bố mẹ...)	43.0	38.8	12.7	5.5	51.0	36.7	11.2	1.0
Quan hệ với cư dân ở xóm làng, khu phố, khu tập thể	15.8	40.0	38.1	6.0	24.5	42.9	29.6	3.1
Tác động của họ hàng, dòng tộc	9.1	38.8	42.4	9.6	31.6	48.0	19.4	1.0
Những người bạn thân	12.7	41.8	33.9	11.5	29.6	51.0	17.3	2.0
Hoạt động Đoàn, các hoạt động tập thể	10.3	39.4	35.2	15.2	30.6	53.1	15.3	1.0
Tivi, mạng xã hội, Internet	9.7	36.4	42.4	11.5	19.4	51.0	28.6	1.0
Kiến thức trong sách báo	15.8	37.0	40.6	6.6	14.3	52.0	31.6	2.0
Kiến thức môn học	18.1	52.1	24.2	5.5	16.3	66.3	17.3	0
Môi trường lớp học, tác động của nhà trường	17.6	52.1	22.4	7.9	28.6	54.1	17.3	0
Tác động của thầy, cô giáo	19.4	51.5	22.4	6.7	19.4	54.1	24.5	2.0
Sự tự rèn luyện của bản thân	32.7	43.0	16.3	7.8	54.1	17.3	22.4	6.1

Số liệu bảng trên cho thấy:

- Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kỹ năng sống của HS THPT người dân tộc thiểu số khu vực miền núi với các mức độ khác nhau.

- Ảnh hưởng nhiều nhất đến sự hình thành KNS ở HS THPT là các yếu tố: *Sự tự rèn luyện của bản thân; quan hệ trong gia đình; kiến thức môn học; kiến thức sách báo; tác động của thầy, cô và môi trường lớp học, môi trường nhà trường*; ít ảnh hưởng nhất, theo học sinh là *tác động của họ hàng, dòng tộc; Tivi, mạng xã hội, Internet...*

- Có sự thống nhất tương đối giữa ý kiến đánh giá của học sinh và giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố như: quan hệ trong gia đình, kiến thức môn học, tác động của thầy, cô. Trong gia đình, ngay từ khi còn nhỏ, trẻ đã được dạy và rèn các kỹ năng sống, điển hình là các kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giải quyết vấn đề... Ở giai đoạn này,

mức độ hình thành kỹ năng sống ở trẻ tùy thuộc vào sự giáo dục của gia đình, yêu cầu và hướng dẫn của cha mẹ đối với trẻ. Các kỹ năng nói chung đều đòi hỏi việc thực hành để đạt tới sự thành thục, kỹ năng sống cũng không ngoại lệ. Do đó, có thể nói, sự hình thành và phát triển kỹ năng sống của con người do hoạt động tự rèn luyện của họ quyết định. Điều này được ¾ số khách thể của cả hai nhóm khẳng định. Sự khác biệt lớn trong đánh giá của hai nhóm khách thể này thuộc về các yếu tố: sự tự rèn luyện của bản thân, các hoạt động Đoàn và hoạt động tập thể, những người bạn thân, quan hệ với cư dân ở xóm làng, khu phố. Giáo viên, CBQLGD có xu hướng đánh giá cao hơn học sinh về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành kỹ năng sống của các em. Có thể nói, kinh nghiệm sống là nguyên nhân chính của sự khác biệt này. Hơn nữa, đánh giá thấp của một số học sinh về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố quan trọng đến sự hình thành kỹ năng

sống của các em như yếu tố gia đình, sự tự rèn luyện của bản thân, các hoạt động tập thể còn cho thấy nhận thức không đúng của các em về vai trò của các yếu tố này.

Đánh giá khách quan của GV, CBQLGD và chủ quan của HS về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố xung quanh HS đến việc hình thành KNS của các em là một kênh thông tin quan trọng để từ đó có thể xây dựng được chương trình giáo dục KNS phù hợp với đặc điểm khác nhau của các em về môi trường sống, hoàn cảnh sống.

Danh mục KNS cần trang bị cho HS THPT người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc

Danh mục kỹ năng sống cần trang bị cho học sinh THPT người dân tộc thiểu số khu vực miền núi được chúng tôi xác lập dựa trên mức độ hình thành và nhu cầu giáo dục kỹ năng sống của các em (*số liệu và sự phân tích chi tiết mức độ hình thành và nhu cầu giáo dục kỹ năng sống của học sinh được trình bày trong một bài báo khác, dưới đây chúng tôi chỉ trình bày tóm tắt những kết quả cơ bản để minh chứng cho cơ sở đề xuất danh mục kỹ năng sống*):

- Nghiên cứu mức độ hình thành kỹ năng sống của học sinh THPT người dân tộc thiểu số khu vực miền núi theo 4 nhóm: tự nhận thức và quản lý bản thân, học tập và phát triển năng lực, giao tiếp và ứng xử xã hội, thích nghi với các vấn đề xã hội hiện đại, chúng tôi nhận thấy: nhìn chung, mức độ hình thành kỹ năng sống của các em ở tất cả các nhóm đều thấp. Các nhóm kỹ năng mà học sinh THPT người dân tộc thiểu số khu vực miền núi còn yếu và thiếu nhiều là kỹ năng vượt qua áp lực, giao tiếp ứng xử, phòng tránh tai nạn lừa đảo. Đây là những nhóm kỹ năng thể hiện rõ nét tính đặc thù vùng miền trong tính cách, khả năng tự duy của các em. Các kỹ năng giao tiếp, ứng xử xã hội thể hiện ở sự tự tin, cách bày tỏ thái độ với người cùng giao tiếp, ở khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp... Những học sinh trong mẫu khảo sát của

chúng tôi đã đánh giá thấp về những biểu hiện này cũng như khả năng ứng phó với stress, quản lý cảm xúc, kỹ năng phòng tránh tai nạn, lừa đảo của bản thân. Điều đó đòi hỏi các nhà giáo dục cần lưu ý khi xác lập danh mục kỹ năng sống để trang bị cho học sinh thuộc nhóm đối tượng này.

- Tất cả các kỹ năng thuộc 4 nhóm đều được giáo viên xác định là *rất cần thiết* và *cần thiết*, đồng

thời HS THPT có nhu cầu cao đối với việc được trang bị những kỹ năng này. Đặc biệt, 3 nhóm kỹ năng: *Tự nhận thức và quản lý bản thân, học tập và phát triển năng lực, thích ứng xã hội* được các khách thể khảo sát đánh giá là rất cần thiết với tỷ lệ cao. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với mức độ hình thành kỹ năng sống của học sinh.

+ Các kỹ năng *thể hiện và nuôi dưỡng sự tự tin, đảm nhận trách nhiệm; xác lập mục đích cuộc sống, mục tiêu công việc; KN kiểm soát bản thân, kiên định, vượt qua áp lực, đối mặt với khó khăn* trong nhóm kỹ năng "Tự nhận thức và quản lý bản thân" được giáo viên đánh giá rất cao về mức độ cần thiết và nhu cầu được trang bị của học sinh THPT là rất lớn.

+ *Giao tiếp và ứng xử* cũng là nhóm kỹ năng được đánh giá rất cần thiết phải trang bị cho học sinh THPT. Đặc biệt, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cho rằng rất cần thiết phát triển ở người học *KN biểu đạt đúng với suy nghĩ của mình và các chuẩn mực ngôn ngữ, lễ nghi; KN giao tiếp thân thiện, biết chấp nhận sự khác biệt; KN bày tỏ nguyện vọng, tìm kiếm sự hỗ trợ, chia sẻ, hợp tác, làm việc nhóm; KN lắng nghe và phán đoán, hiểu người khác và cảm thông; giúp đỡ khi họ gặp khó khăn*. Nhu cầu được trang bị những kỹ năng này ở học sinh cũng rất cao. Hiện nay, tình trạng bạo lực học đường có chiều hướng gia tăng mà nguyên nhân chủ yếu của nó là từ sự mâu thuẫn trong quan điểm, trong lối sống và yếu kém trong việc giải quyết xung đột của học sinh. Vì vậy, giáo dục cho học sinh biết

chấp nhận sự khác biệt và kỹ năng thương lượng, giải quyết mâu thuẫn tích cực là việc làm cấp thiết đối với các nhà trường ở Việt Nam hiện nay.

+ Tương tự như các nhóm kỹ năng trên, các kỹ năng thuộc nhóm học tập và phát triển năng lực đều được các khách thể khảo sát đánh giá rất cần thiết và cần thiết phải giáo dục cho người học. Có sự thống nhất giữa ý kiến đánh giá của giáo viên về mức độ rất cần thiết và nhu cầu cao của học sinh đối với một số kỹ năng sống như: *KN quan sát, học hỏi, tìm kiếm, khai thác và xử lý thông tin, phát hiện vấn đề; Kỹ năng quản lý thời gian, lập kế hoạch; tổ chức công việc; KN sử dụng các phương pháp học và tự học; Kỹ năng tư duy logic, tư duy phân biện và sáng tạo*. Có thể thấy những kỹ năng này ở học sinh người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay còn rất yếu.

+ Thích ứng xã hội là điều kiện giúp cá nhân tồn tại và phát triển trong môi trường luôn luôn biến đổi. Thuộc nhóm kỹ năng này là các kỹ năng liên quan đến việc rèn luyện, giữ gìn sức khỏe thể chất và tinh thần, kỹ năng ứng xử với người khác giới, các kỹ năng phòng tránh tai nạn, lừa đảo, tệ nạn xã hội, kỹ năng bảo vệ môi trường... Có tới trên 80% giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cho rằng rất cần thiết giáo dục cho học sinh các *KN giữ gìn sức khỏe và rèn luyện thân thể; KN ứng xử về tình yêu, sức khỏe sinh sản vị thành niên; về dân số, về giới; KN phòng, tránh tệ nạn xã hội: cờ bạc, rượu, bia, thuốc lá, ma túy, HIV/AIDS...*, trong khi đó đa số học sinh có nhu cầu cao đối với các kỹ năng: *KN giữ gìn sức khỏe và rèn luyện thân thể; KN phòng, tránh tệ nạn xã hội: cờ bạc, rượu, bia, thuốc lá, ma túy, HIV/AIDS...; KN tự vệ trước tác hại Internet, mạng XH; KN phòng tránh tai nạn, thương tích, phòng, tránh thiên tai và sơ cứu người bị thương; KN tham gia bảo vệ môi trường xung quanh ...* Như vậy, có sự thống nhất giữa đánh giá của giáo viên và nhu cầu của học sinh về việc trang bị một số kỹ năng sống thuộc nhóm kỹ năng thích nghi với

các vấn đề xã hội hiện đại. Các kỹ năng còn lại cũng được hầu hết giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đánh giá là rất cần thiết, cần thiết, đồng thời một số lượng lớn học sinh có nhu cầu cao đối với việc được trang bị các kỹ năng này.

Từ việc nghiên cứu mức độ hình thành, nhu cầu giáo dục kỹ năng sống của học sinh THPT người dân tộc thiểu số khu vực miền núi, chúng tôi xác định các kỹ năng sống cần trang bị cho các em như sau:

I. Nhóm các KN tự nhận thức và quản lý bản thân

1. *Kỹ năng tự nhận thức, tự đánh giá, biết tự yêu cầu để phát triển hình ảnh bản thân.*
2. *Kỹ năng thể hiện và nuôi dưỡng sự tự tin, đảm nhận trách nhiệm.*
3. *Kỹ năng xác định giá trị, xác lập mục đích cuộc sống, mục tiêu công việc.*
4. *Kỹ năng kiểm soát bản thân, kiên định, vượt qua áp lực, đối mặt với khó khăn.*

II. Nhóm các KN học tập và phát triển năng lực

5. *Kỹ năng quan sát, học hỏi, tìm kiếm, khai thác và xử lý thông tin, phát hiện vấn đề.*
6. *Kỹ năng phân tích tình huống, ra quyết định, giải quyết vấn đề.*
7. *Kỹ năng quản lý thời gian, lập kế hoạch, tổ chức công việc.*
8. *Kỹ năng sử dụng các phương pháp học và tự học.*
9. *Kỹ năng sử dụng một ngoại ngữ ở mức độ đọc, hiểu đơn giản.*

10. *Kỹ năng sử dụng máy tính, Internet hữu ích cho học tập và nâng cao hiệu biết.*

11. *Kỹ năng lựa chọn một lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp và luôn hướng vào đó.*

III. Nhóm các KN giao tiếp và ứng xử

12. *Kỹ năng biểu đạt đúng với suy nghĩ của mình và chuẩn mực ngôn ngữ lễ nghi.*

13. *Kỹ năng giao tiếp thân thiện, hòa nhập, biết chấp nhận người khác và sự khác biệt.*

14. *Kỹ năng bày tỏ nguyện vọng, tìm kiếm sự hỗ trợ, chia sẻ, hợp tác, làm việc nhóm.*

15. *Kĩ năng thương lượng, giải quyết mâu thuẫn tích cực.*

IV. Nhóm các KN thích nghi với các vấn đề xã hội hiện đại

16. *Kĩ năng tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tập thể.*

17. *Kĩ năng ứng xử về tình yêu, sức khỏe sinh sản vị thành niên; về vấn đề dân số, về giới...*

18. *Kĩ năng từ chối và phòng tránh, tự vệ trước hành vi lừa đảo, lạm dụng, xâm hại trẻ em.*

19. *Kĩ năng phòng tránh tệ nạn xã hội: cờ bạc, rượu, bia, thuốc lá, ma túy, HIV/AIDS...*

20. *Kĩ năng tự vệ trước tác hại của Internet, mạng xã hội.*

21. *Kĩ năng tham gia bảo vệ môi trường xung quanh.*

KẾT LUẬN

Giáo dục kỹ năng sống cho HS THPT đã trở thành vấn đề bức thiết và nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ mang lại hiệu quả khi danh mục kỹ năng sống cần trang bị cho học sinh được xác lập dựa trên những cơ sở thực tiễn, đó là mức độ hình thành và nhu cầu giáo dục kỹ năng

sống của các em, đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm môi trường sống... và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kỹ năng sống của các em. Việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh có thể thông qua các con đường khác nhau như: tổ chức các hoạt động Đoàn, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo môn học, hướng dẫn học sinh tự rèn luyện các kỹ năng sống thông qua các khóa học về kỹ năng mềm...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Bình (2007), *Giáo trình giáo dục kỹ năng sống*, Nxb DHSP.
2. Trần Anh Tuấn (2010), *Bản vẽ Chương trình Giáo dục kỹ năng sống trong điều kiện đổi mới giáo dục hiện nay*, Tạp chí Khoa học giáo dục.
3. Фи.Тхи Хиеу (2015), *Теоретические проблемы развития жизненных навыков у старшеклассников Вьетнама, Электронный журнал Психология. Социология. Педагогик. Москва: Из-во «ИНГН»– № 1 (44).*
4. http://www.who.int/school_youth_health/medi_a/sch_skills4health_russian.pdf.
5. <http://tuoitre.vn/Giao-duc/578443/doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-va-dao-tao.html>.

SUMMARY

FACTORS INFLUENCE THE FORMATION OF LIFE SKILLS & LIST OF ESSENTIAL SKILLS TO BE EQUIPPED FOR HIGH SCHOOL STUDENTS OF MOUNTAINOUS-ETHNIC MINORITY AREA

Phi Thi Hieu*
College of Education - TNU

The study results reveal a lot of factors influencing the formation of life skills for high school students of mountainous-ethnic minority area. The life skills should be equipped for those students belong to various groups: self-awareness and self-management; social behavior and interaction; learning and capacity development; adaptation to modern social problems. The determination of this list is based on the students' formation level and education needs of life skills.

Keywords: *needs, life skills, student, mountainous-ethnic minority area, education.*

Ngày nhận bài: 30/10/2015; Ngày phản biên: 15/12/2015; Ngày duyệt đăng: 31/3/2016
Phản biên khoa học: PGS.TS Phùng Thị Hằng – Trường Đại học Sư phạm – ĐHTN

* Tel: 01656 634388, Email hieusptn@gmail.com